|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 6**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/chủ đề | Bài học | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC | | | | | | | | Tổng số câu hỏi | | | Tổng điểm |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |
| Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | TN | TL | Thời gian (phút) |
| 1 | Chương 3: Trang phục và thời trang | Các loại vải thường dùng trong may mặc | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 0,5 |
| Trang phục | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 4 |  |  | 1 |
| Thời trang | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 4 |  |  | 1 |
| Sử dụng và bảo quản trang phục | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 0,5 |
| 2 | Chương 4: Đồ dùng điện trong gia đình | Bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình. | 9 |  | 7 |  | 2 |  | 1 |  | 16 | 3 |  | 7 |
| Tổng | | | 16 | 12,0 | 12 | 18,0 | 2 | 10,0 | 1 | 5,0 | 28 | 3 | 45,0 | 10 |
| Tỉ lệ (%) | | | 40% | | 30% | | 20% | | 10% | |  |  |  |  |
| Tỉ lệ chung (%) | | | 70% | | | | 30% | | | |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 6**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Bài học | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Các loại vải thường dùng trong may mặc | Nhận biết:  - Kể tên được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục.  Nêu được đặc điểm của các loại vải thông dụng dùng để may trang phục.  Thông hiểu:  Trình bày được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng dùng để may trang phục.  Vận dụng:  Lựa chọn được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục phù hợp với đặc điểm cơ thể, lứa tuổi, tính chất công việc. | 1 | 1 |  |  |
| 2 | Trang phục | Nhận biết:  Nêu được vai trò của trang phục trong cuộc sống.  Kể tên được một số loại trang phục trong cuộc sống.  Thông hiểu:  Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân.  Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.  Phân loại được một số trang phục trong cuộc sống.  Vận dụng:  Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc, điều kiện tài chính.  Vận dụng cao:  Tư vấn được cho người thân việc lựa chọn và phối hợp trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. | 2 | 2 |  |  |
| 3 | Thời trang | Nhận biết:  Nêu được những kiến thức cơ bản về thời trang.  Kể tên được một số phong cách thời trang phổ biến.  Thông hiểu:  Phân biệt được phong cách thời trang của một số bộ trang phục thông dụng.  Vận dụng:  Bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân. | 2 | 2 |  |  |
| 4 | *Sử dụng và bảo quản trang phục* | Nhận biết:  Nêu được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng.  Nêu được cách bảo quản một số loại trang phục thông dụng.  Thông hiểu:  Giải thích được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng.  Giải thích được cách bảo quản trang phục thông dụng.  Vận dụng:  Sử dụng và bảo quản được một số loại trang phục thông dụng. | 2 |  |  |  |
| 5 | Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình. | Nhận biết:  - Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.  - Nhận biết được các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình.  - Nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình.  Nêu được một số lưu ý khi lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  Nêu được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  Kể tên được một số thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.  Thông hiểu:  Mô tả được nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện trong gia đình.  Đọc được một số thông số kĩ thuật trên đồ dùng điện trong gia đình.  Giải thích được cách lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  Giải thích được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  Vận dụng:  Vẽ được sơ đồ khối mô tả nguyên lý làm việc của một số đồ dùng điện trong gia đình.  Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  Vận dụng cao:  Lựa chọn được dồ dùng điện tiết kiệm năng lượng với điều kiện gia đình.  Tính toán được điện năng tiêu thụ, số tiền mua điện khi sử dụng các đồ dùng điện trong gia đình. | 9 | 7 | 1 | 1 |
| Tổng | | | 16 | 12 | 1 | 1 |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 6**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**ĐỀ 1**

**I.TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)** **G*hi lại chữ trước đáp án đúng nhất***

Câu 1. Vải sợ thiên nhiên có nguồn gốc từ:

A. Thực vật và dầu mỏ.                    B. Động vật và than đá.

C. Thực vật và động vật.           D. Than đá và dầu mỏ.

Câu 2. Ưu điểm hút ẩm cao, mặc thoáng mát và ít nhàu thuộc loại vải nào?

A.Vải sợi nhân tạo. C. Vải sợi tổng hợp.

B. Vải sợi thiên nhiên. D. Vải sợi pha.

Câu 3. Trang phục có vai trò gì?

A. Giúp con người khỏe hơn.

B. Làm đẹp cho con người.

C. Bảo vệ cơ thể khỏi tác hại của môi trường và làm đẹp cho con người.

D. Bảo vệ cơ thể khỏi tác hại của môi trường và giúp con người khỏe hơn.

Câu 4. Để tạo ra hiệu ứng nâng cao vẻ đẹp của người mặc, cần phối hợp?

A. Chất liệu, màu sắc B. Kiểu dáng, màu sắc, chất liệu

C. Màu sắc, chất liệu D. Kiểu dáng, chất liệu

Câu 5. Khi đi học thể dục em chọn trang phục như thế nào?

A. Vải sợi bông, may sát người B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền

C. Vải sợi bông, may rộng, dép lê D. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta.

Câu 6. Khi đi học em mặc trang phục nào?

A. Đồng phục học sinh B. Trang phục dân tộc

C. Trang phục bảo hộ lao động D. Trang phục lễ hội.

Câu 7. Người làm nghề thiết kế thời trang làm những công việc nào?

A. May các kiểu sản phẩm may, làm việc tại cửa hàng hoặc các xí nghiêp

B. Xây dựng nền nhà và làm việc tại các công trường

C. Nguyên cứu thực đơn phù hợp với chế độ dinh dưỡng cho học sinh

D. Duy trì mạng lưới điện

Câu 8. Bảo quản trang phục gồm những công việc nào sau đây?

A. Phơi, là (ủi), cất giữ. B. Giặt, phơi, cất giữ.

C. Giặt, phơi, là (ủi), cất giữ. D. Giặt, phơi, là (ủi).

Câu 9. Bộ phận nào của nồi cơm điện có vai trò cấp nhiệt cho nồi?

A. Nắp nồi                                          B. Thân nồi

C. Bộ phận sinh nhiệt                          D. Nắp nồi, thân nồi và bộ phận sinh nhiệt

Câu 10. Tại sao phải xử lí đúng cách các đồ dùng điện khi không sử dụng nữa?

A. Tránh ảnh hưởng đến môi trường. B. Tránh ảnh hưởng đến sức khỏe

C. Tránh ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe D. Không cần thiết.

Câu 11. Đồ dùng điện dùng để chiếu sáng là:

A. Quạt điện B. Nồi cơm điện

C. Đèn điện        D. Máy bơm nước

Câu 12. Công dụng của đèn LED là gì?

A. Đồ dùng điện để làm sạch bụi bẩn. B. Đồ dùng điện để chiếu sáng

C. Đồ dùng điện để chế biến thực phẩm. D. Đồ dùng điện để bảo quản thực phẩm

Câu 13. Bàn là điện dùng để làm gì?

A. Sấy khô quần áo. B. Là quần áo, vải vóc.

C. Làm chín thực phẩm. D. Chiếu sáng

Câu 14. Nồi cơm điện gồm các bộ phận

A.Nắp nồi, thân nồi, nồi nấu, bộ phận sinh nhiệt, bộ phận điều khiển

B.Nắp nồi, mâm nhiệt, bảng điều khiển, thân nồi

C.Nắp nồi, thân nồi, nồi nấu, bộ phận sinh nhiệt

D.Sợi đốt, thân nồi, bộ phận điều khiển, nồi nấu

Câu 15 .Bộ phận nào giúp bàn là nóng lên?

A. Vỏ bàn là B. Dây đốt nóng C. Rơ le nhiệt         D. Ổ cắm điện

Câu 16. Bộ phận truyền nhiệt tới nồi nấu làm chín thức ăn của bếp hồng ngoại ?

A. Mặt bếp B. Bảng điều khiển C. Thân bếp D. Mâm nhiệt hồng ngoại

Câu 17. Nguyên nhân dẫn đến mất an toàn về nhiệt khi sử dụng bàn là điện?

A. Không chạm vào đế bàn là. B. Chạm vào tay cầm bàn là

C. Chạm vào đế bàn là D. Chạm vào vỏ bàn là

Câu 18. Để tiết kiệm điện năng em chọn đồ dùng có nhãn hiệu ghi:

C.

D.

Câu 19. Tên gọi của đèn sau đây là gì?



A. Đèn chùm                   B. Đèn ống

C. Đèn ngủ                     D. Đèn bàn

 Câu 20. Khi lau chùi nồi cơm điện, cần tránh:

A. Dùng vật cứng chà sát                   B. Dùng vật nhọn chà sát

C. Dùng vải mềm vệ sinh D. Dùng vật cứng, nhọn chà vào nồi

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

Câu 1. (2 điểm) Trình bày cấu tạo của nồi cơm điện ?

Câu 2. (1 điểm) Cho hai nồi cơm điện có các số liệu như sau:

Nồi thứ nhất: 220V - 750W – 1,8L.

Nồi thứ hai: 220V – 800W – 1,8L.

Để mua về sử dụng, em sẽ chọn mua loại nào trong hai nồi trên? Vì sao?

Câu 3. (2 điểm): Nêu một tình huống mất an toàn khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình và đề xuất cách phòng tránh?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 6**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**ĐỀ 2**

**I.TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) G*hi lại chữ trước đáp án đúng nhất***

Câu 1. Các bộ phận chính của bàn là gồm:

A. Vỏ bàn là, động cơ điện, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.

B. Vỏ bàn là, dây dẫn điện, bộ phận điều chỉnh tốc độ xoay.

C. Vỏ bàn là, dây đốt nóng, bộ nguồn biến đổi điện áp.

D. Vỏ bàn là, dây đốt nóng, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.

Câu 2. Các bộ phận chính của đèn LED gồm:

A. Vỏ đèn, động cơ điện, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.

B. Vỏ đèn, dây đốt nóng, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.

C. Vỏ đèn, dây dẫn điện, bảng mạch LED.

D. Vỏ đèn, bộ nguồn, bảng mạch LED.

Câu 3. Dây đốt nóng của bàn là điện có chức năng gì?

A. Dẫn điện cho bàn là. B. Tạo sức nóng cho bàn là.

C. Tự động ngắt điện cho bàn là khi đủ nhiệt độ. D. Điều chỉnh nhiệt độ cho bàn là.

Câu 4. Bộ phận nào của máy xay có các nút tắt, mở?

A. Thân máy. B. Cối xay.

C. Bộ phận điều khiển. D. Bộ phận cấp điện.

Câu 5. Nội dung nào **không đúng** khi nói về lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình?

A. Lựa chọn loại có khả năng tiết kiệm điện B. Lựa chọn thương hiệu uy tín

C. Lựa chọn loại cao cấp, có giá cả đắt nhất D. Lựa chọn loại phù hợp với nhu cầu

Câu 6. Trường hợp nào sau đây được coi là mất an toàn khi sử dụng đồ điện?

A. Sử dụng đúng điện áp định mức B. Ngắt nguồn điện khi sửa chữa

C. Sử dụng đúng chức năng của đồ điện D. Sử dụng đồ điện khi dây điện hở

Câu 7. Khi sử dụng bếp hồng ngoại cần lưu ý gì?

A. Đặt bếp nơi khô ráo. B. Không sờ tay lên bếp khi đang nấu

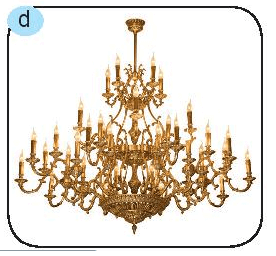
C. Sử dụng nồi có đáy phẳng để đun D. Cả 3 đáp án trên

Câu 8. Cần làm gì trong bước chuẩn bị của nấu cơm bằng nồi cơm điện?

A. Vo gạo B. Điều chỉnh lượng nước cho đủ

C. Lau khô mặt ngoài nồi nấu D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9. Tên gọi của đèn sau đây là gì?



A. Đèn chùm                     B. Đèn ống

C. Đèn ngủ                     D. Đèn bàn

Câu 10. Tại sao đèn LED lại tiết kiệm được điện năng hơn các loại đèn khác?

A. Vì đèn LED cấu tạo nhiều kiểu dáng đẹp.

B. Vì đèn LED đắt tiền hơn các đèn khác.

C. Vì đèn LED có mức điện áp bằng với điện áp của mạng điện.

D. Vì đèn LED có công suất thấp nhưng vẫn đảm bảo độ sáng cao.

Câu 11. Hãy cho biết những việc làm nào sau đây không an toàn?

A. Bật, tắt đèn liên tục                                  B. Lắp đặt đèn ở nơi ẩm ướt

C. Tháo lắp bóng đèn khi đèn đang sáng       D. Cả 3 đáp án trên

Câu 12. Em hãy cho biết, bộ phận nào của bếp hồng ngoại cung cấp nhiệt cho bếp?

A. Mặt bếp                                                  B. Bảng điều khiển

C. Thân bếp                                                D. Mâm nhiệt hồng ngoại

Câu 13. Phát biểu *“thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại”*nói về phong cách nào?

A. Phong cách cổ điển                                 B. Phong cách thể thao

C. Phong cách dân gian                               D. Phong cách lãng mạn

Câu 14. Trang phục mang phong cách thể thao có đặc điểm:

A. Thiết kế cầu kì B. Tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn C. Màu sắc tông chủ đạo đen và trắng D. Sử dụng trong lao động

Câu 15. Tạo cảm giác gầy, cao cần lựa chọn trang phục có đường nét, họa tiết:

A. Kẻ ngang                                                B. Kẻ ô vuông

C. Hoa nhỏ                                                  D. Kẻ dọc

Câu 16**.** Hãy chỉ ra phương pháp làm sạch quần áo  
A. Phân loại quần áo B. Giặt khô  
C. Là D. Phơi

Câu 17.Việc lựa chọn trang phục dựa trên những yếu tố nào?  
A. Khuôn mặt, lứa tuổi B. Lứa tuổi, điều kiện làm việc

C. Điều kiện tài chính D. Vóc dáng cơ thể, mục đích sử dụng,sở thích

Câu 18**.** Trong chương trình, các em đã học về mấy loại phong cách thời trang?  
A. 2 B. 3  
C. 4 D. 5

Câu 19**.** Quần áo có thể phân loại theo:

A. Theo giới tính B. Theo độ tuổi  
C. Theo thời tiết D. Cả ba đáp án trên

Câu 20. Khi đi làm sử dụng trang phục nào?

A. Đồng phục học sinh B. Trang phục dân tộc

C. Trang phục bảo hộ lao động D. Trang phục lễ hội.

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

Cầu 1. (2 điểm) Trình bày cấu tạo của bếp hồng ngoại?

Câu 2. (1 điểm) Vẽ sơ đồ nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại

Câu 3. (2 điểm): Nêu một tình huống mất an toàn khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình và đề xuất cách phòng tránh

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 6**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

TRẮC NGHIỆM (5 điểm): Mỗi câu 0,25 điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đề số 1 | Đề số 2 |
| 1 | C | D |
| 2 | A | D |
| 3 | C | B |
| 4 | B | C |
| 5 | D | C |
| 6 | A | D |
| 7 | A | D |
| 8 | C | D |
| 9 | C | A |
| 10 | C | D |
| 11 | C | D |
| 12 | B | D |
| 13 | B | D |
| 14 | A | B |
| 15 | B | D |
| 16 | D | B |
| 17 | C | D |
| 18 | D | C |
| 19 | D | D |
| 20 | D | C |

TỰ LUẬN (5 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | | Điểm |
| Đề số 1 | Đề số 2 |
| Câu 1 | - Nắp nồi: có chức năng bao kín và giữ nhiệt. Trên nắp nồi có van thoát hơi giúp điều chỉnh áp suất trong nồi cơm điện  - Thân nồi: có chức năng bao kín, giữ nhiệt và liên kết các bộ phận khác của nồi. Mặt trong của thân nồi có dạng hình trụ và là nơi đặt nồi nấu  - Nồi nấu: có dạng hình trụ. Phía trong của nồi nấu thường được phủ lớp chống dính.  - Bộ phận sinh nhiệt: là mâm nhiệt có dạng hình đĩa, thường đặt ở đáy mặt trong của thân nồi, có vai trò cung cấp nhiệt cho nồi.  - Bộ phận điều khiển: được gắn vào mặt ngoài của thân nồi dùng để bật, tắt, chọn chế độ nấu | -Mặt bếp: Là nơi đặt nồi nấu, có chức năng dẫn nhiệt, thường được làm bằng kính chịu nhiệt, có độ bền cao. Trên mặt bếp thường có biểu tượng  - Bảng điêu khiên: Là nơi để điều chỉnh nhiệt độ, chế độ nấu của bếp. Trên bảng điều khiển có các nút tăng - giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu, các đèn báo.  - Thân bếp: Là toàn bộ phần còn lại bên dưới mặt bếp và bảng điều khiển, có chức năng bao kín và bảo vệ các bộ phận bên trong của bếp.  - Mâm nhiệt hồng ngoại: Là phần nằm phía trong thân bếp và sát với mặt bếp, có chức năng cung cấp nhiệt cho bếp | 2 |
| Câu 2 | Em chọn mua loại nồi thức nhất: 220V - 750W - 1,8L.  Vì hai nồi có chức năng như nhau nhưng nồi thứ nhất có công suất (750W) nhỏ hơn công suất nồi thứ 2 ( 800W) nên sẽ tiết kiệm điện hơn so với nồi thứ 2. | Sơ đồ khối mô tả nguyên lý làm việc của bếp hồng ngoại (phía dưới) | 1 |
| Câu 3 | HS tự nêu 1 tình huống mất an toàn khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình và đề xuất cách phòng tránh | Tương tự đề 1 | 2 |

Sơ đồ khối mô tả nguyên lý làm việc của bếp hồng ngoại

**Nguồn điện**

**Bộ điều khiển**

**Mâm nhiệt**

**Nồi nấu**